TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 50/2025/QĐST-DS	*Thành phố Bến Tre, ngày 23 tháng 4 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ biên bản hòa giải thành được lập ngày 15 tháng 4 năm 2025, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 408/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S**

Địa chỉ: 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: **Bà Nguyễn Đức Thạch D** - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền:

- **Ông Nguyễn Văn G**, sinh năm: 1980

- **Ông Đặng Minh T**, sinh năm: 1971

Địa chỉ: A, Đại lộ Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: **Ông Đào Trọng N**, sinh năm: 1980

Bà Nguyễn Thị Bé T1, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Số A, ấp M, xã A, thành phố B, tỉnh Bến Tre

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Đào Trọng N và bà Nguyễn Thị Bé T1 có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ tính đến ngày 14/4/2025 là 968.850.027 (Chín trăm sáu mươi tám triệu tám trăm năm mươi nghìn không trăm hai mươi bảy) đồng gồm:

- Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 202327327505 ngày 29/11/2023 là 859.870.000 (T2 trăm năm mươi chín triệu tám trăm bảy mươi nghìn) đồng gồm:

+ Tiền vốn: 805.930.000 (Tám trăm lẻ năm triệu chín trăm ba mươi nghìn) đồng.

+ Tiền lãi trong hạn: 52.610.000 (Năm mươi hai triệu sáu trăm mười nghìn) đồng.

+ Tiền lãi quá hạn: 1.330.000 (Một triệu ba trăm ba mươi nghìn) đồng.

- Dư nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 30/7/2020 (số Hợp đồng 1540654, ngày hợp đồng: 03/8/2020) là 32.285.353 (Ba mươi hai triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm năm mươi ba) đồng gồm:

+ Tiền vốn: 29.596.327 (Hai mươi chín triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi bảy) đồng.

+ Tiền lãi: 2.689.026 (Hai triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn không trăm hai mươi sáu) đồng.

- Dư nợ theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng tín dụng số LD0000376234 ngày 07/12/2023 là 38.661.774 (Ba mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi mốt nghìn bảy trăm bảy mươi bốn) đồng gồm:

+ Tiền vốn 34.950.828 (Ba mươi bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn tám trăm hai mươi tám) đồng.

+ Tiền lãi: 3.710.946 (Ba triệu bảy trăm mười nghìn chín trăm bốn mươi sáu) đồng.

- Dư nợ theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng tín dụng số LD0000381687 ngày 15/12/2023 là 38.032.900 (Ba mươi tám triệu không trăm ba mươi hai nghìn chín trăm) đồng gồm:

+ Tiền vốn 34.382.310 (Ba mươi bốn triệu ba trăm tám mươi hai nghìn ba trăm mười) đồng.

+ Tiền lãi: 3.650.590 (Ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn năm trăm chín mươi) đồng

Kể từ ngày 15/4/2025 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Trường hợp Ông Đào Trọng N và bà Nguyễn Thị Bé T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần S được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 202327327505 ngày 29/11/2023 được ký giữa Ngân hàng TMCP S với ông Đào

Trọng N và bà Nguyễn Thị Bé T1 (Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C ngày 29/11/2023 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 30/11/2023 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B). Tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất, tọa lạc tại xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre, thuộc thửa đất 27, tờ bản đồ 19, diện tích 837,8 m^2; Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm, Giấy chứng nhận QSDĐ phát hành số AM 686529, số vào sổ HMTA/03495, do UBND thành phố B, cấp ngày 17/04/2008 cho ông Đào Trọng N.

- Quyền sử dụng đất, tọa lạc tại xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre, thuộc thửa đất 57, tờ bản đồ 19, diện tích 127,6 m^2; Mục đích sử dụng đất: Đất ở nông thôn, Giấy chứng nhận QSDĐ phát hành số AM 686533, số vào sổ HMTA/03499, do UBND thành phố B, cấp ngày 17/04/2008 cho ông Đào Trọng N.

- Quyền sử dụng đất, tọa lạc tại xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre, thuộc thửa đất 62, tờ bản đồ 19, diện tích 879,3 m^2; Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm, Giấy chứng nhận QSDĐ phát hành số BO 944076, số vào sổ CH02623, do UBND thành phố B, cấp ngày 11/02/2014 cho ông Đào Trọng N.

- Quyền sử dụng đất, tọa lạc tại xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre, thuộc thửa đất 70, tờ bản đồ 19, diện tích 514,7 m^2; Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm, Giấy chứng nhận QSDĐ phát hành số CH870165, số vào sổ CS04883, do Sở tài nguyên & Môi trường tỉnh B, cấp ngày 10/04/2017 cho ông Đào Trọng N.

- Quyền sử dụng đất, tọa lạc tại xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre, thuộc thửa đất 28, tờ bản đồ 19, diện tích 639,6 m^2; Mục đích sử dụng đất: Đất ở nông thôn 300 m^2, Đất trồng cây lâu năm 339,6 m^2, Giấy chứng nhận QSDĐ phát hành số AM 686530, số vào sổ HMTA/03496, do UBND thành phố B, cấp ngày 17/04/2008 cho ông Đào Trọng N.

- Quyền sử dụng đất, tọa lạc tại xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre, thuộc thửa đất 32, tờ bản đồ 19, diện tích 755,7 m^2; Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm, Giấy chứng nhận QSDĐ phát hành số BL 061322, số vào sổ cấp GCN CH 01683, do UBND thành phố B, cấp ngày 01/10/2012 cho ông Đào Trọng N.

- Quyền sử dụng đất, tọa lạc tại xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre, thuộc thửa đất 58, tờ bản đồ 19, diện tích 517 m^2; Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm, Giấy chứng nhận QSDĐ phát hành số AM 686532, số vào sổ HMTA/03498, do UBND thành phố B, cấp ngày 17/4/2008 cho ông Đào Trọng N.

Về án phí: án phí dân sự sơ thẩm được giảm 50% là 20.532.800 (Hai mươi triệu năm trăm ba mươi hai nghìn tám trăm) đồng ông Đào Trọng N và bà Nguyễn Thị Bé T1 tự nguyện chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre hoàn lại cho ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.313.000 (Mười tám triệu ba trăm mười ba nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0005450 ngày 04/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP . Bến Tre;
- Các đương sự;
- THADS TP . Bến Tre;
- Toà án tỉnh ;
- Lưu HS,VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương